

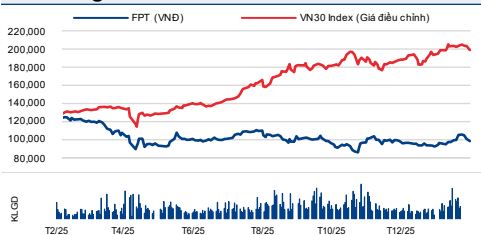
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ123,100
Tiềm năng tăng/giảm: 25.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (26/1/2026)	98,500
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	86,104-125,013
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	101,000
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	167,798
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,408
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,704
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	835
Slg CP NN được mua (tr.đv)	187
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	38.1%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	62,849	69,408	78,133
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,044	14,381	16,274
LNTT (tỷ đồng)	11,070	13,038	14,839
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,849	9,253	10,509
FCF (tỷ đồng)	8,428	6,088	7,787
EPS ĐC (đồng)	4,296	5,002	5,681
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000
BVPS (đồng)	20,253	21,841	25,522
T.trưởng EBITDA (%)	21.5	10.3	13.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.47	1.74	13.6
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	20.7	20.8
Tỷ suất LNTT (%)	17.6	18.8	19.0
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.5	13.3	13.5
Tỷ lệ LN trả CT (%)	40.7	40.0	35.2
Nợ thuần/VCSH (%)	20.8	21.6	22.1
ROAE (%)	28.7	27.6	26.1
ROACE (%)	31.0	27.0	25.6
EV/doanh thu (lần)	2.40	2.52	2.26
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.5	12.2	10.9
P/E ĐC (lần)	22.9	19.7	17.3
P/B (lần)	4.86	4.51	3.86
Lợi suất cổ tức (%)	2.03	2.03	2.03

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Mai Đoàn Ngọc Hân

Chuyên viên cao cấp, Ngành Công
han.mdn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Q4/2025: KQKD mạnh mẽ, với doanh thu mảng Công nghệ vững chắc

- FPT báo cáo KQKD Q4/2025 tăng trưởng mạnh và vượt nhẹ dự báo của HSC nhờ lợi nhuận từ mảng Đầu tư cao hơn kỳ vọng. Lợi nhuận thuần Q4/2025 đạt 2,5 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 20% so với cùng kỳ (tăng 3% so với quý trước), trên doanh thu thuần 20,2 nghìn tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ, (tăng 18% so với quý trước). Doanh thu mảng Công nghệ trong quý tăng mạnh trở lại ở mức 21% so với cùng kỳ (tăng 25% so với quý trước).
- Kết quả là, lợi nhuận thuần năm 2025 tăng trưởng 19,4%, đạt 9,37 nghìn tỷ đồng, với tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần đạt 11,6% lên 70,1 nghìn tỷ đồng. Theo đó, FPT đã hoàn thành 101% dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận thuần năm 2025 của chúng tôi, vượt nhẹ dự báo.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 6% trong 1 tháng qua, FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 17 lần, thấp hơn so với bình quân 3 năm ở mức 19 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 123.100đ (tiềm năng tăng giá: 25%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025

Chiều ngày 26/1/2026, FPT công bố KQKD Q4/2025 vững chắc và vượt nhẹ kỳ vọng, cho thấy lợi nhuận thuần trong quý đạt 2.502 tỷ đồng, tăng 19,9% so với cùng kỳ (tăng 2,8% so với quý trước) trên doanh thu thuần 20.226 tỷ đồng, tăng 14,9% so với cùng kỳ (tăng 17,6% so với quý trước).

Kết quả là, lợi nhuận thuần năm 2025 tăng trưởng 19,4%, đạt 9.369 tỷ đồng, với tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần là 11,6%, đạt 70.113 tỷ đồng. Theo đó, FPT đã hoàn thành 101% dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận thuần cho cả năm 2025 của chúng tôi, vượt nhẹ kỳ vọng. Chi tiết như sau:

Mảng Công nghệ trở lại là động lực tăng trưởng lợi nhuận chính

Trong Q4/2025, mảng Công nghệ là động lực tăng trưởng doanh thu chính, bao gồm đa phục hồi tích cực của mảng Dịch vụ CNTT nước ngoài cùng với sự đà tăng mạnh của mảng Dịch vụ CNTT trong nước. Doanh thu mảng Công nghệ tăng 21,4% so với cùng kỳ đạt 13.526 tỷ đồng (tăng 25 % so với quý trước), nhờ vào:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 27/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025 và cả năm 2025, FPT

FPT ghi nhận KQKD tăng mạnh và vượt nhẹ dự báo của chúng tôi nhờ lợi nhuận từ mảng Đầu tư cao hơn kỳ vọng

Tỷ đồng	Q4/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	2025	Tăng trưởng	% 2025 HSCF
Doanh thu	20,226	14.9%	17.6%	70,113	11.6%	101.0%
CNTT	13,526	21.4%	25.0%	44,475	13.7%	101.9%
Nước ngoài	9,808	18.4%	10.1%	35,382	14.3%	101.2%
Trong nước	3,718	30.0%	94.1%	9,093	11.5%	104.9%
Viễn thông	5,220	8.5%	5.9%	19,507	10.8%	98.3%
Khác	1,481	-10.4%	1.9%	6,132	0.0%	103.2%
LNTT	3,499	18.2%	3.7%	13,039	17.8%	100.0%
CNTT	1,550	9.4%	3.4%	5,883	12.5%	97.7%
Nước ngoài	1,394	20.6%	0.1%	5,467	14.6%	99.0%
Trong nước	156	-40.2%	47.2%	416	-9.4%	83.8%
Viễn thông	1,136	23.2%	0.4%	4,364	21.6%	101.3%
Khác	813	30.9%	9.4%	2,792	23.9%	103.1%
Lợi nhuận thuần	2,502	19.9%	2.8%	9,369	19.4%	101.2%

Nguồn: FPT, HSC

- **Doanh thu mảng Dịch vụ CNTT trong nước** Q4/2025 tăng 30% so với cùng kỳ (tăng 94,4% so với quý trước) đạt 3.718 tỷ đồng. Kết quả này sát với kỳ vọng của chúng tôi về nỗ lực của Chính phủ trong việc thúc đẩy các hoạt động chuyển đổi số trong cả doanh nghiệp và khu vực công. Trong đó, khu vực công là động lực tăng trưởng chính cho giai đoạn này nhờ tác động từ Nghị quyết số 57/NQ-CP. Theo đó, doanh thu mảng Dịch vụ CNTT trong nước của cả năm 2025 đạt 9.093 tỷ đồng (tăng trưởng 11,5%).
- **Mảng Dịch vụ CNTT nước ngoài** đạt 9.808 tỷ đồng doanh thu trong quý, tăng 18,4% so với cùng kỳ (tăng 10,1% so với quý trước), đẩy doanh thu của cả năm lên 35.382 tỷ đồng (tăng trưởng 14,3%).

Trong mảng Dịch vụ CNTT nước ngoài, thị trường Nhật Bản dẫn dắt tăng trưởng với doanh thu vững chắc 4.192 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ (tăng 6,3% so với quý trước). Trong khi đó, doanh thu từ các thị trường ngoài Nhật Bản cũng tăng trưởng tốt ở mức 15,2% so với cùng kỳ (tăng 13,2% so với quý trước), đạt 5.616 tỷ đồng.

Phân khúc chuyển đổi số trong mảng Dịch vụ CNTT nước ngoài tiếp tục tăng trưởng vững chắc 13,4%, đạt 4.364 tỷ đồng, đóng góp 44% doanh thu dịch vụ CNTT nước ngoài.

Doanh thu kỷ kết là điểm sáng nhất trong quý, tăng vọt 54% so với cùng kỳ và tăng 19% so với quý trước, đạt 11.273 tỷ đồng. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và EU là những động lực tăng trưởng chính của FPT. Thông thường, tháng 12 cũng là thời điểm chốt KPI năm, giúp đẩy con số này lên mức cao nhất có thể.

Về mặt lợi nhuận thuần, LNTT mảng Công nghệ tăng 9,4% so với cùng kỳ (tăng 3,4% so với quý trước) đạt 1.550 tỷ đồng, nhờ LNTT mảng dịch vụ CNTT nước ngoài tăng 20,6% so với cùng kỳ (không đổi so với quý trước), trong khi LNTT của mảng dịch vụ CNTT trong nước giảm 40,2% y/y (nhưng tăng 47,2% so với quý trước). Chúng tôi lưu ý rằng hầu hết các hợp đồng cung cấp dịch vụ CNTT trong nước trong Q4/2025 là dịch vụ phần cứng, nên tỷ suất lợi nhuận bị thu hẹp. Nhưng chúng tôi kỳ vọng tỷ suất lợi nhuận này sẽ cải thiện theo thời gian nhờ cơ cấu dịch vụ tốt hơn (tập trung nhiều hơn vào phần mềm).

Trong năm 2025, LNTT mảng Công nghệ đạt 5.883 tỷ đồng (tăng trưởng 12,5%).

Mảng Viễn thông tiếp tục tăng trưởng vững chắc

Doanh thu mảng Viễn thông trong quý tăng nhẹ 8,5% so với cùng kỳ (tăng 5,9% so với quý trước) đạt 5.220 tỷ đồng, phần lớn nhờ phân khúc băng thông rộng, tăng 10,3% so với cùng kỳ và tăng 3,4% so với quý trước. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng doanh thu so với cùng kỳ của mảng Viễn thông trong quý chậm hơn so với các quý trước (Q1/2025 và Q2/2025 lần lượt tăng 14,2% và 12,9%) do không còn tác động từ doanh thu bình quân theo người dùng (ARPU) từ nửa cuối năm 2025 trở đi vì tác động này đã được ghi nhận trong nửa cuối năm 2024.

Mặc dù doanh thu thuần Q4/2025 tăng chậm lại, LNTT mảng Viễn thông vẫn tiếp tục tăng mạnh 23,2% so với cùng kỳ (không đổi so với quý trước) đạt 1.136 tỷ đồng nhờ tỷ suất lợi nhuận không ngừng cải thiện nhờ quản lý chi phí hiệu quả hơn.

Theo đó, doanh thu là LNTT mảng Viễn thông năm 2025 đạt lần lượt 19.507 tỷ đồng (tăng trưởng 10,8%) và 4.364 tỷ đồng (tăng trưởng 21,6%).

Mảng Giáo dục và Đầu tư vẫn yếu

Doanh thu các mảng Khác (bao gồm Giáo dục và Đầu tư) trong quý giảm 10,4% so với cùng kỳ (tăng 1,9% so với quý trước) đạt 1.481 tỷ đồng, đẩy doanh thu năm 2025 lên 6.132 tỷ đồng (không đổi so với cùng kỳ).

Riêng mảng Giáo dục, doanh thu giảm 6,2% so với cùng kỳ (nhưng tăng 9,4% so với quý trước) đạt 1.814 tỷ đồng, chủ yếu do tỷ lệ tuyển sinh thấp trong thời gian dài trước áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng ở phân khúc đại học.

Mặc dù doanh thu mảng Giáo dục yếu, LNTT của các mảng Khác tăng trưởng mạnh 30,9% so với cùng kỳ và tăng 9,4% so với quý trước đạt 813 tỷ đồng, chủ yếu nhờ sự cải thiện từ các công ty liên kết (FRT, FPT Trading) và các khoản đầu tư khác bao gồm sự khởi sắc của Base.vn. Do đó, LNTT năm 2025 của các mảng Khác đạt 2.792 tỷ đồng (tăng 23,9% so với cùng kỳ).

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giữ nguyên giá mục tiêu

HSC tin rằng đà tăng trưởng vững chắc của doanh thu ký kết trong Q4/2025 sẽ là chỉ báo tích cực nhằm hỗ trợ tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần của FPT trong năm 2026. Với doanh thu và lợi nhuận cao hơn 1% so với dự báo cho năm 2025, cùng với doanh thu ký kết Q4/2025 cao hơn kỳ vọng, chúng tôi nhận thấy rủi ro lợi nhuận và định giá của cả năm 2026 sẽ cao hơn kỳ vọng (với kỳ vọng doanh thu thuần đạt 78,1 nghìn tỷ đồng và lợi nhuận thuần đạt 10,5 nghìn tỷ đồng).

Do đó, bất kỳ sự điều chỉnh nào cũng sẽ mang lại cơ hội tốt để mua vào cổ phiếu FPT. Sau khi giá cổ phiếu tăng 6% trong 1 tháng qua, FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 17 lần, thấp hơn so với bình quân 3 năm ở mức 19 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với FPT với giá mục tiêu không đổi là 123.100đ (tiềm năng tăng giá 25%).

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	52,618	62,849	69,408	78,133	89,534
Lợi nhuận gộp	20,320	23,698	26,791	29,662	33,629
Chi phí BH&QL	(11,868)	(13,190)	(15,334)	(16,662)	(18,896)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	8,452	10,508	11,457	13,000	14,733
Lãi vay thuần	618	124	944	1,082	1,483
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	42.3	393	587	702	874
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	91.3	44.6	49.2	55.4	63.5
LN TT	9,203	11,070	13,038	14,839	17,154
Chi phí thuế TNDN	(1,415)	(1,642)	(1,949)	(2,264)	(2,638)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,323)	(1,571)	(1,826)	(2,056)	(2,260)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,465	7,857	9,262	10,519	12,255
Lợi nhuận thuần ĐC	6,449	7,849	9,253	10,509	12,244
EBITDA ĐC	10,738	13,044	14,381	16,274	18,697
EPS (đồng)	4,661	4,917	5,002	5,681	6,619
EPS ĐC (đồng)	3,523	4,296	5,002	5,681	6,619
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,000	2,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,267	1,471	1,704	1,704	1,704
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,704	1,704	1,704
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,704	1,704	1,704

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	8,279	9,315	12,727	10,910	10,316
Đầu tư ngắn hạn	16,104	21,785	28,321	36,817	47,862
Phải thu khách hàng	9,674	11,382	13,040	15,128	17,336
Hàng tồn kho	1,593	1,857	2,082	2,344	2,686
Các tài sản ngắn hạn khác	1,055	1,197	1,542	1,736	1,990
Tổng tài sản ngắn hạn	36,706	45,536	57,712	66,935	80,189
TSCĐ hữu hình	13,697	15,334	16,790	16,861	16,618
TSCĐ vô hình	1,257	2,040	2,009	1,928	1,782
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,227	1,037	1,179	1,308	1,443
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,108	2,281	2,395	2,515	2,641
Tài sản dài hạn khác	5,288	5,772	6,056	6,400	6,967
Tổng tài sản dài hạn	23,577	26,464	28,430	29,012	29,451
Tổng cộng tài sản	60,283	72,000	86,142	95,947	109,640
Nợ ngắn hạn	13,838	14,446	17,352	18,752	20,593
Phải trả người bán	2,603	4,424	3,470	3,907	4,477
Nợ ngắn hạn khác	11,176	13,105	14,289	16,085	18,432
Tổng nợ ngắn hạn	29,652	34,836	38,339	42,377	47,665
Nợ dài hạn	208	501	2,700	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	246	357	428	514	617
Nợ dài hạn khác	175	315	348	391	448
Tổng nợ dài hạn	629	1,173	3,476	1,905	2,065
Tổng nợ phải trả	30,350	36,272	41,815	44,282	49,731
Vốn chủ sở hữu	24,974	29,794	37,207	43,477	50,493
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,959	5,933	7,120	8,188	9,416
Tổng vốn chủ sở hữu	29,933	35,728	44,326	51,665	59,909
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,283	72,000	86,142	95,947	109,640
BVPS (đ)	19,665	20,253	21,841	25,522	29,640
Nợ thuần/(tiền mặt)	5,767	5,632	7,325	8,842	11,277

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	8,452	10,508	11,457	13,000	14,733
Khấu hao	(2,287)	(2,535)	(2,924)	(3,274)	(3,964)
Lãi vay thuần	618	124	944	1,082	1,483
Thuế TNDN đã nộp	(1,415)	(1,642)	(1,949)	(2,264)	(2,638)
Thay đổi vốn lưu động	678	303	(3,632)	(1,623)	(1,599)
Khác	(1,102)	(125)	1,090	(1,936)	(2,036)
LCT thuần từ HĐKD	9,517	11,704	10,833	11,533	13,907
Đầu tư TS dài hạn	(3,978)	(3,275)	(4,745)	(3,747)	(4,162)
Góp vốn & đầu tư	(35,290)	(43,063)	(6,650)	(8,616)	(11,171)
Thanh lý	30,582	36,346	0	0	0
Khác	2,137	1,530	2,275	2,720	3,250
LCT thuần từ HĐĐT	(6,548)	(8,462)	(9,120)	(9,643)	(12,083)
Cổ tức trả cho CSH	(2,931)	(3,292)	(3,407)	(3,407)	(4,259)
Thu từ phát hành CP	73.1	163	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,719	933	5,105	(300)	1,841
Khác	(30.2)	(2.31)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,168)	(2,198)	1,698	(3,707)	(2,418)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	6,440	8,279	9,315	12,727	10,910
LCT thuần trong kỳ	1,800	1,044	3,411	(1,817)	(594)
Ảnh hưởng của tỷ giá	38.6	(7.92)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,279	9,315	12,727	10,910	10,316
Dòng tiền tự do	5,539	8,428	6,088	7,787	9,745

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	38.6	37.7	38.6	38.0	37.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	20.8	20.7	20.8	20.9
Tỷ suất LNT (%)	12.3	12.5	13.3	13.5	13.7
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.4	14.8	15.0	15.3	15.4
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.6	19.4	10.4	12.6	14.6
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	24.5	21.5	10.3	13.2	14.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	21.7	17.9	13.6	16.5
Tăng trưởng EPS (%)	5.24	5.47	1.74	13.6	16.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.2	21.9	16.4	13.6	16.5
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	25.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	42.9	40.7	40.0	35.2	37.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.1	28.7	27.6	26.1	26.1
ROACE (%)	29.3	31.0	27.0	25.6	25.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.94	0.95	0.88	0.86	0.87
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.13	1.11	0.95	0.89	0.94
Số ngày tồn kho	18.0	17.3	17.8	17.7	17.5
Số ngày phải thu	109	106	112	114	113
Số ngày phải trả	29.4	41.2	29.7	29.4	29.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	25.5	20.8	21.6	22.1	24.1
Nợ/tài sản (%)	24.3	21.5	24.1	21.4	20.5
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.36	1.19	1.44	1.26	1.20
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.31	1.51	1.58	1.68
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.49	2.40	2.52	2.26	2.00
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.2	11.5	12.2	10.9	9.58
P/E (lần)	21.1	20.0	19.7	17.3	14.9
P/E ĐC (lần)	28.0	22.9	19.7	17.3	14.9
P/B (lần)	5.01	4.86	4.51	3.86	3.32
Lợi suất cổ tức (%)	2.03	2.03	2.03	2.03	2.54

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gọi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn